

Số: *359*/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày *27* tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1312/QĐ-BNN-QLCL ngày 22/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 4751/QĐ-BNN-TCL ngày 11/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú

Thọ về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Lâm nghiệp, Chăn nuôi và Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ.

- Thay thế các thủ tục số: 18, 21 mục A, nhóm I, phần I, Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 01/6/2017; thủ tục số: 1, mục I và số 1, mục II, phần A, Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2949/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ (Chi tiết tại mục B – Danh mục TTHC kèm theo).

- Bãi bỏ thủ tục số: 5, 6 mục lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, phần B, Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2949/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ (Chi tiết tại mục B – Danh mục TTHC kèm theo).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NN&PTNT (Báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP (Ô. Báo);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- Lưu: VT, KT6, NC1, NC3 (Q-32b)

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Quang

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ, BỊ BỎ BỎ
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN,
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH PHÚ THỌ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **359** /QĐ-UBND ngày **02** tháng **02** năm **2020** của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Lâm nghiệp				
1	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh.	- 47 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế, trong đó: + UBND tỉnh: 15 ngày; + Sở NN&PTNT: 32 ngày - 67 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp UBND cấp tỉnh không còn quỹ đất quy hoạch phát triển rừng để trồng rừng thay thế, trong đó: + Bộ NN&PTNT: 30 ngày; + UBND tỉnh: 30 ngày; + Sở NN&PTNT: 07 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Phú Thọ Địa chỉ: Số 398 -đường Trần Phú - phường Tân Dân - TP Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210.2222 555 E-mail: vpub@phutho.gov.vn	Không	Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
2	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Phú Thọ	Không	Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10

	thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác	đó: - UBND tỉnh: 10 ngày; - Sở NN&PTNT: 25 ngày	Địa chỉ: Số 398 -đường Trần Phú - phường Tân Dân - TP Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210.2222 555 E-mail: vpub@phutho.gov.vn	năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
3	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	19 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - UBND tỉnh: 5 ngày; - Sở NN&PTNT: 14 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Phú Thọ Địa chỉ: Số 398 -đường Trần Phú - phường Tân Dân - TP Việt Trì - tỉnh Phú Thọ ĐT: 0210.2222 555 E-mail: vpub@phutho.gov.vn	Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DƯỢC THAY THẾ, BỊ BÁI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I	Lĩnh vực Lâm nghiệp		
1	1.003363	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh.	Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	1.000336	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác.	Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	1.003768	Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư)	Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

4	1.005342	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư)	Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
II Lĩnh vực Chăn nuôi			
1	B-BNN-287858-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi	Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương;
2	B-BNN-287857-TT	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất lượng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi	Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương;